

Số 0049 CBTT - HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2022

### CÔNG BỐ THÔNG TIN TRONG THỜI HẠN 24 GIỜ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước,  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.**  
Trụ sở chính: Tổ 12 thị trấn Đông Anh-Huyện Đông Anh-Thành phố Hà Nội.  
Điện thoại: 0243 8833247 Fax: 0243 9689871

Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Đức Khiêm**  
Chức vụ: Giám đốc Công ty.  
Địa chỉ: Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI.  
Điện thoại: ( di động, cơ quan, nhà riêng)  
ĐD: 0913 323 055 Cơ quan: 0243 968 6829

#### Nội dung thông tin công bố:

- (1). Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- (2). Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- (6). Địa chỉ trang Website đăng tải thông tin của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI: <http://www.vttbvietsbac-vvmi.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố./.

#### 1.Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT, HĐQT(Ch.2)

#### 2.Tài liệu đính kèm:

- BB Đại hội ĐCĐTN năm 2022;
- NQ Đại hội ĐCĐTN năm 2022;

#### Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

  
  
**Phạm Đức Khiêm**

Số 004/BB-ĐHĐCĐ

Hà nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022,**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VTTB -VVMI**

Thực hiện thông báo số 0064/TB-HĐQT ngày 21/03/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Hôm nay vào hồi 8h00' ngày 24/03/2022 tại trụ sở Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã được tổ chức trọng thể.

**I/- Thành phần tham dự đại hội gồm có:**

Các ông, bà là thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát công ty và 29 vị đại biểu (cổ đông hoặc người đại diện), sở hữu và đại diện cho 1.043.046 cổ phần/1.250.000 cổ phần, bằng 83,44% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (Mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 đồng).

*(Có danh sách các cổ đông tham dự Đại hội kèm theo biên bản này)*

- **Chủ trì đại hội:** Ông Đỗ Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT Công ty.

- **Ban thư ký đại hội:**

- |                        |                   |
|------------------------|-------------------|
| 1. Bà: Lê Thị Kim Chi  | - Thư ký Công ty  |
| 2. Ông: Phạm Đức Nghĩa | - Cổ đông Công ty |

- **Ban kiểm tra tư cách cổ đông:**

- |                       |                                 |
|-----------------------|---------------------------------|
| 1. Ông: Tô Toàn Thắng | - UV BKS Công ty - Trưởng ban   |
| 2. Bà: Bùi Phương Anh | - Cổ đông Công ty - Thành viên  |
| 3. Bà Vũ Thị Linh     | - Cổ đông Công ty - Thành viên. |

**II/- Nội dung Đại hội:**

Sau lễ chào cờ, khai mạc; Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội; Đại hội đã tiến hành làm việc:

**1. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông và Thông qua chương trình đại hội; thông qua Quy chế tổ chức Đại hội:**

- Đại hội nghe ông Tô Toàn Thắng - Thay mặt Ban kiểm tra tư cách đại biểu (cổ đông hoặc người đại diện) đã đọc báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu và công bố có 29 vị đại biểu, sở hữu và đại diện cho 1.043.046 cổ phần/1.250.000 cổ phần, bằng 83,44% số cổ phần có quyền biểu quyết (Mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 đồng). Trong đó có một (01) đại biểu là đại diện cổ đông pháp nhân sở hữu 637 507 cổ phần/1 250 000 cổ phần chiếm 51% và 28 đại biểu là đại diện cổ đông thể nhân đại diện cho 405.539 cổ phần/1 250 000 cổ phần chiếm 32,44% *(Danh sách cổ đông dự đại hội kèm theo)*

- Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty với số phiếu biểu quyết tán thành là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội.

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị -VVMI, căn cứ vào số đại biểu cổ đông nắm giữ cổ phần có mặt dự đại hội; Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty đã hội đủ các điều kiện để tiến hành.

## **2. Đại hội nghe trình bày các báo cáo, các tờ trình sau:**

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, giải pháp thực hiện do ông Phạm Đức Khiêm - Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty trình bày.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021, định hướng nhiệm vụ năm 2022 do ông Đỗ Huy Hùng chủ tịch HĐQT trình bày.

- Báo cáo giám sát năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 do Bà Trần Thu Hương trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày.

- Tờ trình xin phê duyệt kết quả SXKD và báo cáo tài chính năm 2021; Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2021 do Bà Bùi Phương Anh kế toán trưởng Công ty trình bày.

- Tờ trình thông qua chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021, kế hoạch chi trả thù lao năm 2022 do Ông Tô Toàn Thắng TV ban kiểm soát Công ty trình bày.

-Tờ trình v/v ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty do bà Trần Thu Hương trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày.

- Tờ trình về việc ủy quyền cho Giám đốc ký kết các hợp đồng cung cấp hàng hóa với Người liên quan theo Điều 167 luật Doanh nghiệp số 59/2020; do Ông Phạm Đức Khiêm giám đốc Công ty trình bày.

## **3. Đại hội tiến hành thảo luận:**

Các cổ đông nhất trí với toàn bộ nội dung các báo cáo, phương hướng hoạt động, giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

## **4. Đại hội đã biểu quyết thông qua từng vấn đề như sau:**

### **4.1 Thông qua các báo cáo:**

a/ Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Cụ thể:

### **\* Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021.**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết	Thực hiện	% so NQ
<b>I</b>	<b>Hiện vật chủ yếu</b>				
1	Tiêu thụ vỏ bao KPK	Vỏ	15 000 000	12 804 000	85
2	Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M <sup>2</sup>	1 550 000	1 709 580	110
3	Sản xuất kéo rút thép nguội	Tấn	2 800	3 590	128

4	Tiêu thụ Gông lò	Bộ	500 000	834 247	167
<b>II</b>	<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>245 000</b>	<b>307 192</b>	<b>124</b>
-	Doanh thu khối SX	Tr.đ	175 000	225 495	128
-	Doanh thu KD, DV	Tr.đ	70 000	78 604	112
-	Doanh thu khác	Tr.đ		3 093	
<b>III</b>	<b>Đầu tư xây dựng cơ bản(cả chuyển tiếp từ 2020)</b>	<b>tr.đ</b>	<b>13 200</b>	<b>7 687</b>	<b>58</b>
<b>IV</b>	<b>Khấu hao TSCĐ</b>	<b>tr.đ</b>	<b>1 556</b>	<b>1 100</b>	<b>71</b>
<b>V</b>	<b>Nộp ngân sách Nhà nước</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>2 949</b>	<b>3 216</b>	<b>109</b>
<b>VI</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>				
1	Lao động bình quân năm	Người	147	118	80
2	Tiền lương bình quân	Đg/ng/thg	9 126 400	9 992 450	109
<b>VII</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>2 350</b>	<b>2 486</b>	<b>106</b>
<b>VIII</b>	<b>Trả cổ tức trên vốn góp (12,5 tỷ)</b>	<b>%</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>100</b>

**\* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:**

- **Mục tiêu chung:** Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, nâng cao thu nhập cho người lao động, đảm bảo tiến độ đầu tư các dự án; điều hành kế hoạch một cách linh hoạt thích ứng với thị trường có nhiều biến động vì mục tiêu **An toàn-Đổi mới-Tăng trưởng-Hiệu quả**.

- **Mục tiêu cụ thể.**

Hội đồng quản trị chỉ đạo bộ máy điều hành Công ty triển khai các biện pháp như: Tăng cường công tác tiếp thị bán hàng, tìm kiếm việc làm, nâng cao chất lượng sản phẩm, khai thác tốt thị trường tiêu thụ vỏ bao xi măng, phụ kiện hầm lò, vật tư thiết bị...; Quản trị tốt chi phí sản xuất kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sản xuất ngày càng phát triển của Công ty. Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, không để xảy ra tai nạn lao động và phấn đấu hoàn thành toàn diện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu chính sau đây:

- **Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022:**

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch 2022
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật</b>		
1	SX&Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK	Vô	15 000 000
2	SX&Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M <sup>2</sup>	1 550 000
3	Sản xuất Kéo thép	Tấn	2 860

4	Sản xuất Gông lò	Bộ	500 000
<b>II</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>260 394</b>
-	Doanh thu khối SX	Tr.đ	190 394
-	Doanh thu KD DV	Tr.đ	70 000
<b>III</b>	<b>Khấu hao TSCĐ</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>2 229</b>
<b>IV</b>	<b>Nộp ngân sách Nhà nước</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>4 955</b>
<b>V</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>		
1	Lao động bình quân năm	Người/năm	148
2	Tiền lương bình quân 1CNV	Đg/ng/tháng	9 000 000
<b>VI</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>2 000</b>
<b>VII</b>	<b>Chi trả cổ tức</b>	<b>%/VốnĐL</b>	<b>10</b>

**b/ Kế hoạch đầu tư xây dựng:**

TT	Tên hạng mục đầu tư	ĐVT	Kế hoạch 2022
<b>A</b>	<b>Đầu tư xây dựng cơ bản ( B+C)</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>5 548</b>
<b>B</b>	<b>Kế hoạch năm 2022( B1+B2)</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>3 573</b>
B1	Công trình chuyển tiếp năm 2021	Tr.đ	3 503
	Dự án thiết bị phục vụ sản xuất ( máy dệt thoi, cả chi phí kiểm toán)	Tr.đ	3 503
B2	Công trình khởi công mới ( lập BCKTKT xây dựng công trình dây truyền sản xuất lưới neo)	Tr.đ	70
<b>C</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>1 975</b>
1	Xe nâng hạ hàng	Tr.đ	625
4	Dây chuyền SX lưới leo lò	Tr.đ	1 350

**c/ Kế hoạch tuyển dụng lao động:**

STT	LĐ KH 2021	LĐ 31/12/2021	LĐ KH 2022	LĐ cần tuyển dụng	Thời gian tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng
1	LĐ C.nghệ	92	105	13	Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm	Tuyển mới
2	LĐ phục vụ, phụ trợ	18	20	2	Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm	Tuyển mới
3	LĐ quản lý	23	23	0		
<b>Tổng cộng</b>		<b>133</b>	<b>148</b>	<b>15</b>		

b/ Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và định hướng hoạt động năm 2022;

c/ Thông qua báo cáo giám sát năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát Công ty;

*Có 29 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1.043.046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

#### 4.2 Thông qua báo cáo quyết toán tài chính năm 2021 cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Doanh thu năm 2021	Đồng	307 190 978 020
2	Lợi nhuận trước thuế	"	2 485 940 667
3	Các khoản không được trừ khi xác định thuế TNDN	"	163 528 586
4	Tổng lợi nhuận tính thuế	"	<b>2 649 469 253</b>
5	Nộp thuế TNDN	"	<b>629 698 507</b>
6	Lợi nhuận sau thuế	"	<b>1 856 242 160</b>
7	Lợi nhuận phân phối	"	<b>1 856 242 160</b>

*Có 29 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1.043.046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

#### 4.3 Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2021 cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng
Lợi nhuận trước thuế	<b>2 485 940 667</b>
Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>629 698 507</b>
Lợi nhuận sau thuế	<b>1 856 242 160</b>
<b>Phân phối lợi nhuận</b>	
- Chi trả cổ tức	1 250 000 000
- Lợi nhuận còn để trích lập các quỹ	606 242 160
- Quỹ đầu tư phát triển	185 624 216
- Quỹ khen thưởng	143 317 178
- Quỹ phúc lợi	214 975 766
- Quỹ thưởng viên chức quản lý	62 325 000

*Có 29 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1.043.046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)

**4.4 Thông qua quyết toán thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021; Kế hoạch chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022.**

**a. Tổng giá trị quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2021 là:**  
256 770 000đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

+ Thù lao HĐQT: 142 560 000đồng

+ Thù lao BKS: 114 210 000đồng

**b. Mức trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2022 như sau:**

Chức danh	Mức thù lao hàng tháng
Chủ tịch HĐQT	4 320 000 đồng
Thành viên HĐQT	3 780 000 đồng
Trưởng ban kiểm soát	3 980 000 đồng
Thành viên BKS	3 420 000 đồng

*Có 29 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1.043.046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

*(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)*

**4.5. Thông qua ủy quyền cho HĐQT Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ủy quyền cho HĐQT đứng ra lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

*Có 29 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1.043.046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

*(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)*

**4.6. Thông qua tờ trình ủy quyền cho Giám đốc thực hiện ký kết các hợp đồng cung cấp hàng hóa với Người liên quan theo điều 167 luật Doanh nghiệp:**


Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ủy quyền cho Giám đốc thực hiện ký kết các hợp đồng cung cấp hàng hóa với Người liên quan;

*Có 29 vị cổ đông biểu quyết với tổng số phiếu là 1.043.046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100 % so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

*(Danh sách cổ đông có phụ lục kèm theo)*

**5. Thông qua nghị quyết**

Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT ký phê duyệt quyết toán tài chính, trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2021, mức chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2022, theo nội dung Nghị quyết đã được đại hội thông qua.

Chỉ đạo bộ máy điều hành tìm mọi biện pháp để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. 

Đại hội đã nhất trí tán thành thông qua toàn văn Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với tổng số 29 vị cổ đông biểu quyết tương đương tổng số phiếu là 1.043.046 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Biên bản này đã được đọc trước đại hội và tất cả các cổ đông tham dự đại hội nhất trí thông qua.

Đại hội kết thúc lúc 11 giờ 30 phút ngày 24 tháng 03 năm 2022.

**BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



- Lê Thị Kim Chi



- Phạm Đức Nghĩa

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**Đỗ Huy Hùng**



**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị-VVMI**

(Kèm theo biên bản Đại hội số: 0048/BB-ĐHĐCĐ ngày 24/3/2022)

STT		Họ và tên cổ đông/Người được ủy quyền	Mã số cổ đông	Số cổ phần			Ghi chú
TS	TT			Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
A		B	C	1	2	3=1+2	5
	<b>A</b>	<b>Cổ đông pháp nhân</b>		637 507		637 507	
	<b>I</b>	<b>Tổng công ty CN mở Việt bắc TKV-CTCP</b>	<b>1</b>	637 507		637 507	
1	1	Đỗ Huy Hùng		637 507		637 507	
	<b>B</b>	<b>Cổ đông thể nhân</b>		383 664	21 875	405 539	
	<b>II</b>	<b><u>Phòng TCHC</u></b>		<u>252 873</u>		<u>252 873</u>	
2	1	Phạm Đức Khiêm		240 914		240 914	
3	2	Nguyễn Mạnh Hùng	23	5 958		5 958	
4	3	Trần Văn Bảy	14	1 667		1 667	
5	4	Lê Thị Kim Chi	153	1 667		1 667	
6	5	Vũ Thị Linh	127	2 667		2 667	
	<b>III</b>	<b><u>Phòng Kế toán</u></b>		<u>7 917</u>		<u>7 917</u>	
7	1	Bùi Phương Anh	174	7 917		7 917	
	<b>IV</b>	<b><u>Phòng KH-VT-TT</u></b>		<u>30 458</u>	<u>3 625</u>	<u>34 083</u>	
8	1	Trịnh Văn Toàn	89	4 042	3 625	7 667	
9	2	Trịnh Minh Phương	152	333		333	
10	3	Phạm Đức Nghĩa	120	26 083		26 083	
	<b>V</b>	<b><u>Phòng Kinh doanh I</u></b>		<u>12 167</u>		<u>12 167</u>	
11	1	Nguyễn Trọng Đức	24	12 167		12 167	
	<b>VI</b>	<b><u>Phòng Kỹ thuật</u></b>		<u>7 250</u>	<u>4 000</u>	<u>11 250</u>	
12	1	Ngô Minh Vinh	177	1 000	2 333	3 333	
13	2	Lê Văn Cường	124	1 000		1 000	
14	3	Nguyễn Hải Hùng	78	1 667	1 667	3 334	
15	4	Phạm Xuân Chiến	162	3 583		3 583	
	<b>VII</b>	<b><u>Xưởng Lưới Thép</u></b>		<u>15 916</u>	<u>333</u>	<u>16 249</u>	
16	1	Tô Toàn Thắng	123	9 958	333	10 291	

STT		Họ và tên cổ đông/Người được ủy quyền	Mã số cổ đông	Số cổ phần			Ghi chú
TS	TT			Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
17	2	Nguyễn Thị Hằng	39	3 625		3 625	
18	3	Phạm Thị Yến	90	1 667		1 667	
19	4	Hoàng Văn Kiên	131	333		333	
20	6	Dương Tiến Dũng	129	333		333	
	<b>VIII</b>	<b>Xưởng bao bì</b>		<b>11 250</b>	<b>3 667</b>	<b>14 917</b>	
21	1	Trần Văn Thắng	175	7 917		7 917	
22	2	Đỗ Thị Thanh Vân	141	2 000	3 667	5 667	
23	3	Đặng Thị Ngọc Hoa	145	1 333		1 333	
	<b>IX</b>	<b>Phòng Kinh doanh II</b>		<b>13 125</b>		<b>13 125</b>	
24	1	Phạm Đức Trung	34	13 125		13 125	
	<b>X</b>	<b>Cổ đông khác</b>		<b>32 708</b>	<b>10 250</b>	<b>42 958</b>	
25	1	Lê Thị Thanh	26	1 667	3 292	4 959	
26	2	Trần Văn Sanh	35	2 333		2 333	
27	3	Phạm Thị Hương	60	16 833	6 958	23 791	
28	4	Đỗ Thị Tại	61	8 583		8 583	
29	5	Nguyễn Thị Ánh	96	3 292		3 292	
		<b>Tổng cộng I+II = 29</b>		<b>1 021 171</b>	<b>21 875</b>	<b>1 043 046</b>	

Hà Nội, Ngày 24 tháng 03 năm 2022

CT. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THƯ KÝ



Đỗ Huy Hùng

Lê Thị Kim Chi

Số: 0 0 4 7/NQ - ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI ban hành theo Quyết định số: 0078/QĐ-HĐQT ngày 16/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI được tổ chức vào 7h30' ngày 24/03/2022 tại Hội trường tầng 3 của Công ty. Địa chỉ: Tổ 12 Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

- Tham dự Đại hội có 29 vị cổ đông đại diện cho 1.043.046 cổ phần/1.250.000 cổ phần đạt 83,44%.

Trong đó: Có 01 đại biểu là đại diện cổ đông pháp nhân sở hữu 637 507 cổ phần /1 250 000 cổ phần chiếm 51% và 28 đại biểu là đại diện cổ đông thể nhân đại diện cho 405.539 cổ phần /1 250 000 cổ phần chiếm 32,44 % (Danh sách cổ đông dự Đại hội kèm theo)

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thảo luận và nhất trí:

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết	Thực hiện	% so NQ
<b>I</b>	<b>Hiện vật chủ yếu</b>				
1	Tiêu thụ vỏ bao KPK	Vỏ	15 000 000	12 804 000	85
2	Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M <sup>2</sup>	1 550 000	1 709 580	110
3	Sản xuất kéo rút thép nguội	Tấn	2 800	3 590	128
4	Tiêu thụ Gông lò	Bộ	500 000	834 247	167
<b>II</b>	<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>245 000</b>	<b>307 192</b>	<b>124</b>
-	Doanh thu khối SX	Tr.đ	175 000	225 495	128
-	Doanh thu KD, DV	Tr.đ	70 000	78 604	112
-	Doanh thu khác	Tr.đ		3 093	
<b>III</b>	<b>Đầu tư xây dựng cơ bản (cả chuyển tiếp từ 2020)</b>	<b>tr.đ</b>	<b>13 200</b>	<b>7 687</b>	<b>58</b>

IV	Khấu hao TSCĐ	tr.đ	1 556	1 100	71
V	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	2 949	3 216	109
VI	Lao động và thu nhập				
1	Lao động bình quân năm	Người	147	118	80
2	Tiền lương bình quân	Đg/ng/thg	9 126 400	9 992 450	109
VII	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2 350	2 486	106
VIII	Trả cổ tức trên vốn góp (12,5 tỷ)	%	10	10	100

**Điều 3: Thông qua Báo cáo quyết toán Tài chính năm 2021 với nội dung chính như sau :**

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)	GHI CHÚ
1	2	3	4
<b>I</b>	<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	307 190 978 020	
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	2 485 940 667	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	629 698 507	
4	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1 856 242 160</b>	
<b>II</b>	<b>THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NGÂN SÁCH</b>		
1	Tổng số thuế phải nộp	3 714 570 460	
2	Tổng số thuế đã nộp	3 216 320 664	
3	Tổng số thuế còn phải nộp	1 102 292 225	
<b>III</b>	<b>TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN</b>		
*	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>58 129 865 470</b>	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3 389 247 789	
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	41 376 472 803	
4	Hàng tồn kho	13 030 173 574	
5	Tài sản ngắn hạn khác	333 971 304	
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>11 262 519 116</b>	
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	11 256 364 832	
3	Tài sản dở dang dài hạn	600 000	
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
5	Tài sản dài hạn khác	5 554 284	
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 250=100+200)</b>	<b>69 392 384 586</b>	

*	<b>NGUỒN VỐN</b>		
A	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
1	Nợ ngắn hạn	45 560 676 961	
2	Nợ dài hạn	4 847 750 000	
B	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12 500 000 000	
2	Vốn khác của chủ sở hữu	2 997 259 416	
3	Quỹ đầu tư phát triển	1 630 456 049	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1 856 242 160	
C	<b>NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC</b>		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>69 392 384 586</b>	

**Điều 4: Thông qua phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021.**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng
Lợi nhuận trước thuế	2 485 940 667
Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	629 698 507
Lợi nhuận sau thuế	1 856 242 160
<b>Phân phối lợi nhuận</b>	
- Chi trả cổ tức(10%)	1 250 000 000
- Lợi nhuận còn để trích lập các quỹ	606 242 160
- Quỹ đầu tư phát triển	185 624 216
- Quỹ khen thưởng	143 317 178
- Quỹ phúc lợi	214 975 766
- Quỹ thưởng viên chức quản lý	62 325 000

**Điều 5: Thông qua kế hoạch SXKD năm 2022; Các giải pháp để thực hiện:**

**1/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:**

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Kế hoạch 2022
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật</b>		
1	SX&Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK	Vỏ	15 000 000
2	SX&Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	M <sup>2</sup>	1 550 000
3	Sản xuất Kéo thép	Tấn	2 860
4	Sản xuất Công lò	Bộ	500 000
<b>II</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>260 394</b>
-	Doanh thu khối SX	Tr.đ	190 394
-	Doanh thu KD DV	Tr.đ	70 000

III	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	2 229
IV	Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đ	4 955
V	Lao động và thu nhập		
1	Lao động bình quân năm	Người/năm	148
2	Tiền lương bình quân 1CNV	Đg/ng/tháng	9 000 000
VI	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2 000
VII	Chi trả cổ tức	%/VốnĐL	10

## 2/ Kế hoạch đầu tư xây dựng:

TT	Tên hạng mục đầu tư	ĐVT	Kế hoạch 2022
A	Đầu tư xây dựng cơ bản ( B+C)	Tr.đ	5 548
B	Kế hoạch năm 2022( B1+B2)	Tr.đ	3 573
B1	Công trình chuyển tiếp năm 2021	Tr.đ	3 503
	Dự án thiết bị phục vụ sản xuất ( máy dệt thoi, cả chi phí kiểm toán)	Tr.đ	3 503
B2	Công trình khởi công mới ( lập BCKTKT xây dựng công trình dây truyền sản xuất lưới neo)	Tr.đ	70
C	Dự phòng	Tr.đ	1 975
1	Xe nâng hạ hàng	Tr.đ	625
4	Dây chuyền SX lưới leo lò	Tr.đ	1 350

## 3/ Kế hoạch tuyển dụng lao động:

STT	LĐ KH 2021	LĐ 31/12/2021	LĐ KH 2022	LĐ cần tuyển dụng	Thời gian tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng
1	LĐ C.nghệ	92	105	13	Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm	Tuyển mới
2	LĐ phục vụ, phụ trợ	18	20	2	Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm	Tuyển mới
3	LĐ quản lý	23	23	0		
<b>Tổng cộng</b>		<b>133</b>	<b>148</b>	<b>15</b>		

## 4/ Các giải pháp thực hiện:

a/ Phối hợp tốt công tác giữa chuyên môn và các đoàn thể, phát huy vai trò lãnh đạo tiên phong của Đảng trong hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp. Nâng cao ý thức của NLĐ trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, nhằm đảm bảo người lao động có đủ sức khỏe, đáp ứng, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b/ Tìm kiếm tuyển dụng những lao động có trình độ chuyên môn giỏi, tay nghề cao đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, xây dựng đội ngũ kế thừa tinh thông nghiệp vụ, tay nghề giỏi, có phẩm chất đạo đức, có năng lực quản lý, điều hành công ty phát triển.

c/ Tiếp tục rà soát, hoàn thiện lại các định mức, chi phí giao khoán cho các đơn vị, triệt để tiết kiệm chi phí vật tư, nguyên liệu đầu vào. Lựa chọn phương pháp khoán phù hợp với từng đối tượng nhận khoán để phát huy tối đa hiệu quả công tác giao khoán cho các đơn vị.

d/ Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác tiếp thị để giữ vững thị trường tiêu thụ; tích cực phát triển thêm thị trường mới, đặc biệt chú trọng lĩnh vực kinh doanh, thu hút nhân tài để tăng doanh thu.

đ/ Thực hiện mọi biện pháp để đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, thường xuyên kiểm tra theo dõi phát hiện những nguy cơ mất an toàn để ngăn chặn kịp thời không để xảy ra tai nạn lao động, kể cả tai nạn lao động nhẹ.

e/ Thực hiện điều hành công tác tài chính, phù hợp với kế hoạch SXKD, tích cực hoàn thiện hồ sơ thanh toán để thu hồi công nợ, tăng nhanh vòng quay của vốn để giảm lãi vay ngân hàng. Phấn đấu giảm tới mức thấp nhất hệ số nợ phải thu, nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu. Đàm phán với ngân hàng để được tài trợ vốn với mức lãi suất thấp nhất.

f/ Xây dựng các điển hình tiên tiến, xây dựng mục tiêu khuyến khích SXKD giao cho các đơn vị, phòng ban để phấn đấu thực hiện.

**Điều 6: Thông qua Phương án chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2022 như sau:**

**a. Phương án chi trả thù lao hàng tháng cho các thành viên HĐQT, BKS:**

<b>Chức danh</b>	<b>Mức thù lao hàng tháng</b>
Chủ tịch HĐQT	4 320 000 đồng
Ủy viên HĐQT	3 780 000 đồng
Trưởng ban kiểm soát	3 980 000 đồng
Ủy viên ban KS	3 420 000 đồng

- Trong quá trình thực hiện nếu chính sách nhà nước có sự thay đổi thì Công ty sẽ thay đổi theo văn bản hướng dẫn cho phù hợp.

**Điều 7: Thông qua tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị- VVMII năm 2022.** *Chu*

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua đề HĐQT đứng ra lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

**Điều 8: Thông qua tờ trình ủy quyền cho Giám đốc thực hiện ký kết các hợp đồng cung cấp hàng hóa với Người liên quan theo Điều 167 luật Doanh nghiệp:**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ủy quyền cho Giám đốc thực hiện ký kết các hợp đồng cung cấp hàng hóa với Người liên quan theo Điều 167 luật doanh nghiệp số 59/2020;

**Điều 9: Tổ chức thực hiện**

1. Giao cho HĐQT, Giám đốc Công ty xây dựng các biện pháp cụ thể để chỉ đạo điều hành hoàn thành toàn diện kế hoạch SXKD năm 2022 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

2. Giao cho HĐQT ban hành các quyết định phê duyệt Báo cáo quyết toán tài chính năm 2021, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông theo các số liệu ghi trong Nghị quyết này.

3. Giao cho HĐQT thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông tổ chức thực hiện Nghị quyết này, đồng thời HĐQT có trách nhiệm công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Ủy ban chứng khoán nhà nước trong thời hạn 24h và đăng tải lên Website: <http://www.vttbvietchina-vvmi.com.vn>;

Quý cổ đông vui lòng download tại địa chỉ này.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI đã được thông qua trước Đại hội và được toàn thể Đại hội biểu quyết tán thành với số cổ phần biểu quyết là 1.043.046 cổ phần/1.043.046 cổ phần dự họp, đạt tỷ lệ 100 %.

**Nơi nhận:**

- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Công bố TT trên Website Cty;
- Sở GDCKHN, UBCK Nhà nước;
- Lưu VT, Hồ sơ ĐH (Ch)



**Đỗ Huy Hùng**



**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị-VVMI**

(Kèm theo biên bản Nghị quyết số: 0 0 4 7/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/3/2022)

STT		Họ và tên cổ đông/Người được ủy quyền	Mã số cổ đông	Số cổ phần			Ghi chú
TS	TT			Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
A		B	C	1	2	3=1+2	5
	<b>A</b>	<b>Cổ đông pháp nhân</b>		<b>637 507</b>		<b>637 507</b>	
	<b>I</b>	<b>Tổng công ty CN mỏ Việt bắc TKV-CTCP</b>	<b>1</b>	<b>637 507</b>		<b>637 507</b>	
1	1	Đỗ Huy Hùng		637 507		637 507	
	<b>B</b>	<b>Cổ đông thể nhân</b>		<b>383 664</b>	<b>21 875</b>	<b>405 539</b>	
	<b>II</b>	<b><u>Phòng TCHC</u></b>		<b><u>252 873</u></b>		<b><u>252 873</u></b>	
2	1	Phạm Đức Khiêm		240 914		240 914	
3	2	Nguyễn Mạnh Hùng	23	5 958		5 958	
4	3	Trần Văn Bảy	14	1 667		1 667	
5	4	Lê Thị Kim Chi	153	1 667		1 667	
6	5	Vũ Thị Linh	127	2 667		2 667	
	<b>III</b>	<b><u>Phòng Kế toán</u></b>		<b><u>7 917</u></b>		<b><u>7 917</u></b>	
7	1	Bùi Phương Anh	174	7 917		7 917	
	<b>IV</b>	<b><u>Phòng KH-VT-TT</u></b>		<b><u>30 458</u></b>	<b><u>3 625</u></b>	<b><u>34 083</u></b>	
8	1	Trịnh Văn Toàn	89	4 042	3 625	7 667	
9	2	Trịnh Minh Phương	152	333		333	
10	3	Phạm Đức Nghĩa	120	26 083		26 083	
	<b>V</b>	<b><u>Phòng Kinh doanh I</u></b>		<b><u>12 167</u></b>		<b><u>12 167</u></b>	
11	1	Nguyễn Trọng Đức	24	12 167		12 167	
	<b>VI</b>	<b><u>Phòng Kỹ thuật</u></b>		<b><u>7 250</u></b>	<b><u>4 000</u></b>	<b><u>11 250</u></b>	
12	1	Ngô Minh Vinh	177	1 000	2 333	3 333	
13	2	Lê Văn Cường	124	1 000		1 000	
14	3	Nguyễn Hải Hùng	78	1 667	1 667	3 334	
15	4	Phạm Xuân Chiến	162	3 583		3 583	
	<b>VII</b>	<b><u>Xưởng Lưới Thép</u></b>		<b><u>15 916</u></b>	<b><u>333</u></b>	<b><u>16 249</u></b>	
16	1	Tô Toàn Thắng	123	9 958	333	10 291	

STT		Họ và tên cổ đông/Người được ủy quyền	Mã số cổ đông	Số cổ phần			Ghi chú
TS	TT			Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
17	2	Nguyễn Thị Hằng	39	3 625		3 625	
18	3	Phạm Thị Yên	90	1 667		1 667	
19	4	Hoàng Văn Kiên	131	333		333	
20	6	Dương Tiến Dũng	129	333		333	
	<b>VIII</b>	<b><u>Xưởng bao bì</u></b>		<b><u>11 250</u></b>	<b><u>3 667</u></b>	<b><u>14 917</u></b>	
21	1	Trần Văn Thắng	175	7 917		7 917	
22	2	Đỗ Thị Thanh Vân	141	2 000	3 667	5 667	
23	3	Đặng Thị Ngọc Hoa	145	1 333		1 333	
	<b>IX</b>	<b><u>Phòng Kinh doanh II</u></b>		<b><u>13 125</u></b>	<b><u>—</u></b>	<b><u>13 125</u></b>	
24	1	Phạm Đức Trung	34	13 125		13 125	
	<b>X</b>	<b><u>Cổ đông khác</u></b>		<b><u>32 708</u></b>	<b><u>10 250</u></b>	<b><u>42 958</u></b>	
25	1	Lê Thị Thanh	26	1 667	3 292	4 959	
26	2	Trần Văn Sanh	35	2 333		2 333	
27	3	Phạm Thị Hương	60	16 833	6 958	23 791	
28	4	Đỗ Thị Tại	61	8 583		8 583	
29	5	Nguyễn Thị Ánh	96	3 292		3 292	
		<b>Tổng cộng I+II = 29</b>		<b>1 021 171</b>	<b>21 875</b>	<b>1 043 046</b>	

Hà Nội, Ngày 24 tháng 03 năm 2022

CT. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THƯ KÝ



Đỗ Huy Hùng

Lê Thị Kim Chi